

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ
CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC NGÀNH Y SINH HỌC THỂ DỤC THỂ THAO**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 976b/QĐ-TDTTBN ngày 30 tháng 9 năm 2019 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh)

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo ngành Y Sinh học TDTT do Khoa Y Sinh học TDTT xây dựng, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh thẩm định và ban hành. Chương trình có tham khảo các chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học TDTT Thành phố Hồ Chí Minh, chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội, chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học Hồng Đức Đại học Hùng Vương, chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh Khoa Công nghệ Hóa học, chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học TDTT Bắc Kinh-Trung Quốc, chương trình đào tạo Đại học của Học viện TDTT Thượng Hải – Trung Quốc, chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học TDTT Matcova – Nga...Chương trình được định kỳ rà soát, cập nhật, chỉnh sửa đáp ứng nhu cầu thực tiễn đối với sinh viên tốt nghiệp cũng như đáp ứng đầy đủ các quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh. Người học khi tham gia chương trình được đào tạo không chỉ được đào tạo về kiến thức mà còn được rèn luyện cả về kỹ năng, thái độ đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

1.2. Thông tin chung về chương trình

Chương trình	Đào tạo đại học chính quy ngành Y sinh học TDTT
Trình độ đào tạo	Đại học
Ngành đào tạo	Y sinh học TDTT
Mã ngành	7729001
Hình thức đào tạo	Chính quy
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Thời gian đào tạo	4 năm
Số tín chỉ	122
Quyết định mở ngành, cấp ban hành	
Kiểm định chương trình	
Thời điểm điều chỉnh	2 năm
Áp dụng từ năm tuyển sinh	2019
Đơn vị cấp bằng	Trường Đại học TDTT Bắc Ninh
Đơn vị quản lý chuyên môn	Khoa Y sinh học TDTT

1.3. Mục tiêu của chương trình

- Mục tiêu chung:

Nâng cao và khẳng định chất lượng, tăng quy mô trên cơ sở mở rộng ngành đào tạo, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, bồi dưỡng phục vụ cộng đồng, đáp ứng nhu cầu xã hội; tăng cường hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế.

- Mục tiêu cụ thể:

Phẩm chất chính trị - đạo đức:

- Sau khi hoàn thành chương trình sinh viên phải có: Nhận thức đúng đắn về vị trí nghề nghiệp chuyên môn, luôn phấn đấu suốt đời vì sự nghiệp gìn giữ và tăng

cường sức khoẻ nhân dân hướng tới mục đích nâng cao chất lượng cuộc sống và kéo dài tuổi thọ.

- Có tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; nắm vững nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Chấp hành đúng đường lối của Đảng, luật pháp của Nhà nước và các quy định của ngành; là những công dân tốt trong cộng đồng xã hội.

Năng lực chuyên môn:

- Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên ngành y sinh học TDDT đáp ứng yêu cầu của công tác huấn luyện, góp phần nâng cao trình độ huấn luyện và thành tích TT. Có đủ kiến thức cơ bản trong chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa chấn thương, bệnh lý xuất hiện trong hoạt động thể dục thể thao.

- Về kỹ năng: Biết vận dụng những kiến thức y sinh học TDDT vào thực tiễn công tác giảng dạy và huấn luyện. Có kỹ năng tổ chức các hoạt động y tế trong tập luyện và thi đấu thể thao. Ứng dụng thành thạo các thành tựu khoa học kỹ thuật Y học tiên tiến vào trong công tác chẩn đoán, phục hồi chức năng cho người luyện tập, tuyển chọn vận động viên và phục vụ công tác nghiên cứu khoa học.

- Về thái độ và đạo đức nghề nghiệp: Đoàn kết, khiêm tốn học tập không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn. Sẵn sàng giúp đỡ mọi người trong vấn đề chuyên môn và nghiệp vụ. Có lối sống lành mạnh, trung thực, giản dị, nêu gương tốt cho mọi người

1.4. Kết quả học tập dự kiến

Sinh viên chương trình đào tạo cử nhân YSHTDDT sau khi tốt nghiệp sẽ đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất, đạo đức như sau:

1.4.1. Yêu cầu về kiến thức

* Kiến thức chung:

- *Kiến thức về khoa học xã hội*

+ Nắm được những vấn đề cơ bản về Nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Hiểu và cập nhật được các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, cũng như định hướng phát triển đất nước trong từng giai đoạn.

- *Kiến thức về khoa học tự nhiên*

Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.

- *Kiến thức chuyên môn chung của ngành*

Kiến thức về thể dục thể thao:

+ Có kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động Thể dục thể thao (TDDT) quần chúng và thể thao thành tích cao.

+ Có kiến thức cơ sở về Lý luận và Phương pháp TDDT.

+ Đạt tiêu chuẩn vận động viên đẳng cấp III của 03 môn thể thao tự chọn.

Kiến thức về Y sinh học:

+ Hiểu biết cơ bản về thực trạng và xu hướng thay đổi về Y sinh học thể dục thể thao trong nước và quốc tế.

+ Nắm vững những vấn đề cơ bản về cấu tạo, chức năng và hoạt động của cơ thể người trong trạng thái bình thường, trong hoạt động vận động và bệnh lý.

+ Có kiến thức cơ bản về y học dự phòng trong xác định các tác động của môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và nghề nghiệp đến sức khỏe.

1.4.2. Yêu cầu về kỹ năng

* *Kỹ năng chuyên môn*

- Có kỹ năng tổ chức hoạt động y tế phục vụ các giải thi đấu thể thao

- Có kỹ năng giảng dạy các môn Y sinh học thể dục thể thao, có năng lực thực hành chuyên môn về Y sinh học, vận dụng kiến thức Y sinh học thể dục thể thao trong nghiên cứu khoa học, kiểm tra, tuyển chọn, đánh giá trình độ tập luyện của người tập thể dục thể thao.

- Có kỹ năng giảng dạy môn Thể dục và công tác y tế tại các trường bậc học phổ thông, trung cấp, cao đẳng và đại học chuyên nghiệp.

- Có kỹ năng về tư vấn, chăm sóc y tế cho vận động viên và người tập thể dục thể thao, có khả năng ứng dụng các phương tiện, các thủ pháp Y học trong sơ cứu các chấn thương, hồi phục chức năng vận động.

- Có khả năng giáo dục và tư vấn cho VĐV về chăm sóc sức khỏe và đề phòng các chấn thương, các bệnh thường gặp trong hoạt động TDTT tại các cơ sở huấn luyện và các câu lạc bộ TDTT.

- Có khả năng tư vấn, biên soạn các bài tập vận động nhằm chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ điều trị các bệnh nghề nghiệp ở các ngành nghề khác nhau.

*** Kỹ năng bổ trợ**

- Có khả năng làm việc độc lập, và khả năng thuyết trình tốt.

- Biết tổ chức và điều hành hoạt động nhóm làm việc hiệu quả, tổ chức hội thảo; đại hội các CLB TDTT.

- Thực hiện được các kỹ năng quản lý, lập kế hoạch, tham gia giám sát các chương trình mục tiêu về y tế dự phòng.

1.4.3 Thái độ

- Có lập trường tư tưởng vững vàng, có đạo đức và nếp sống lành mạnh, say mê nghề nghiệp; nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là đường lối của Đảng trong lĩnh vực thể dục thể thao.

- Có tính tự chủ, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm cao với công việc.

- Có ý thức tổ chức, kỷ luật; chấp hành tốt các quy định của nhà nước và của cơ quan.

- Có tinh thần đoàn kết, thái độ thân thiện, hợp tác với đồng nghiệp và cá nhân trong và ngoài đơn vị.

1.5. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

- Cơ hội việc làm: Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng làm việc trong các Trung tâm huấn luyện TDTT, trong các đơn vị TDTT cơ sở, cán bộ Y sinh học tại các Sở văn hóa, Thể thao và du lịch; các trường nghiệp vụ TDTT, cán bộ chăm sóc sức khỏe tại các đội tuyển TDTT... Hoặc là cán bộ giảng dạy các môn Y sinh học TDTT, các môn thể thao trong các trường của hệ thống giáo dục quốc dân.

- Khả năng học tập nâng cao: Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ thạc sỹ và tiến sỹ chuyên ngành Y sinh học TDTT, học chuyển đổi một số học phần để học chuyên ngành khác thuộc khối ngành TDTT tại các trường.

1.6. Tiêu chuẩn nhập học, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.6.1. Tiêu chuẩn nhập học

- Trường Đại học TDTT Bắc Ninh tuyển sinh đại học theo đề án tuyển sinh được Hội đồng trường thông qua và công khai hàng năm. Đề án tuyển sinh của Nhà trường tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

- Thí sinh trúng tuyển nhập học theo các quy định, hướng dẫn của Nhà trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sau khi hoàn thành thủ tục nhập học, các sinh viên sẽ được đào tạo theo chương trình đào tạo của Nhà trường.

1.6.2. Quy trình đào tạo

Nhà trường tổ chức đào tạo theo Theo quy chế 43 ban hành ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục – Đào tạo, thông tư số 57 ban hành ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục – Đào tạo và quyết định số 17 ban hành ngày 15/05/2014 của Bộ Giáo dục – Đào tạo, ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.. Hoạt động đào tạo được tổ chức như sau:

- Một năm học gồm 02 học kỳ: học kỳ I, II và học kỳ phụ ngoài thời gian nghỉ hè, nghỉ Tết.

- Học kỳ phụ có 6 - 7 tuần bao gồm cả thời gian học và thi, dành cho sinh viên học lại, học chậm tiến độ, học cải thiện điểm trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc và không miễn giảm học phí.

- Trong thời gian nghỉ hè (06 tuần), Nhà trường có thể bố trí các học phần thực tập giữa khóa, thực tập tốt nghiệp và các trường hợp đặc biệt khác.

1.6.3. Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

- Về nhân cách: Đến thời điểm xét và công nhận tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trước toàn trường trở lên.

- Về học lực: Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình. Điểm trung bình chung học tập đạt từ 2.0 trở lên.

- Về đẳng cấp: 03 môn thể thao đạt đẳng cấp III

1.7. Các chiến lược dạy - học và phương pháp đánh giá

1.7.1. Các chiến lược dạy - học

Chiến lược dạy và học của Nhà trường bám sát mục tiêu đào tạo. Nhà trường khuyến khích giảng viên phát huy tiềm năng trí tuệ, không ngừng đổi mới sáng tạo, nâng cao ý thức trách nhiệm và đề cao giá trị nhân văn trong tổ chức và triển khai các hoạt động dạy - học nhằm mục tiêu đào tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội. Cụ thể, thực hiện các chiến lược dạy - học sau:

- Thực hiện đào tạo tích hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ; học tập kết hợp với trải nghiệm trong chương trình đào tạo;

- Áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, học tập chủ động;

- Lượng hóa đánh giá kết quả học tập đáp ứng chuẩn đầu ra.

1.7.2. Phương pháp giảng dạy

TT	Mã PP	Tên PP	Nhóm PP
1	PPD1.1	Phương pháp động não	Nhóm phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập chủ động
2	PPD1.2	Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ	
3	PPD1.3	Phương pháp học dựa trên vấn đề	
4	PPD1.4	Phương pháp hoạt động nhóm	
5	PPD1.5	Phương pháp đóng vai	
6	PPD2.1	Học dựa vào dự án	Nhóm phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập qua trải nghiệm
7	PPD2.2	Mô phỏng	
8	PPD2.3	Nghiên cứu tình huống	
9	PPD2.4	Phương pháp học tập phục vụ cộng đồng	

1.7.3. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập

TT	Mã PP	Tên phương pháp
1	PDG1	Đánh giá ý thức và thái độ học tập
2	PDG2	Đánh giá hồ sơ học phần
3	PDG3	Đánh giá theo hình thức vấn đáp
4	PDG4	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm
5	PDG5	Đánh giá theo hình thức tự luận
6	PDG6	Đánh giá theo hình thức thực hành
7	PDG7	Đánh giá viết báo cáo
8	PDG8	Đánh giá thuyết trình

a. Đánh giá học phần:

Các thành phần điểm đánh giá học phần được thể hiện trong đề cương học phần và được công bố cho người học trong buổi đầu tiên khi thực hiện giảng dạy học phần.

Thành phần đánh giá	Tỉ lệ
1. Đánh giá quá trình	30%
1.1. Đánh giá ý thức, thái độ học tập - Đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ học tập. - Yêu cầu sinh viên dự học tại lớp trên 80% mới đủ điều kiện được dự thi kết thúc học phần. Nếu sinh viên không được dự thi học phần thì bị tính điểm F và phải học lại học phần.	10%
1.2. Đánh giá giữa kì - Nếu số tín chỉ lí thuyết ≤ 3 thì tổ chức 1 lần kiểm tra. - Nếu số tín chỉ lí thuyết ≥ 4 thì tổ chức 2 lần kiểm tra, điểm đánh giá là điểm trung bình.	20%
2. Đánh giá thi kết thúc học phần - <i>Học phần chỉ có lí thuyết</i> : điểm đánh giá là điểm của bài thi kết thúc học kì và hình thức đánh giá do bộ môn quy định (tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, bài tập lớn,...). - <i>Học phần có cả lí thuyết và thực hành</i> : điểm đánh giá cuối kì là điểm đánh giá độc lập của các thành phần lí thuyết và thực hành. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.	70%
3. Công thức tính điểm học phần Điểm học phần lí thuyết được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân: $a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.2 + a_3 \times 0.7$ Trong đó, a: điểm học phần; a ₁ : điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a ₂ : điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a ₃ : điểm đánh giá thi kết thúc học phần.	

b. Quy trình cho điểm:

Giảng viên có trách nhiệm tính điểm X và thông báo công khai trong buổi học cuối cùng của học phần cho sinh viên. Sinh viên có thể truy cập vào website của Nhà trường để biết kết quả học tập của sinh viên.

Nhập kết quả đánh giá học phần vào phần mềm quản lý đào tạo.

c. Thang điểm

Sử dụng thang điểm 10, thang điểm chữ (A, A+, B, B+, C, C+, D, D+, F) và thang điểm 4 để đánh giá kết quả học tập của từng học phần, kết quả học tập hàng kỳ, kết quả học tập tích lũy theo khóa học của sinh viên. Quy đổi điểm giữa các thang điểm thực hiện theo bảng sau:

	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	9,0 ÷ 10,0	A+	4,0
	8,5 ÷ 8,9	A	4,0
	8,0 ÷ 8,4	B+	3,5
	7,0 ÷ 7,9	B	3,0
	6,5 ÷ 6,9	C+	2,5
	5,5 ÷ 6,4	C	2,0
	5,0 ÷ 5,4	D+	1,5
	4,0 ÷ 4,9	D	1,0
Không đạt	0 ÷ 3,9	F	0

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH HỌC

2.1. Cấu trúc và nội dung chương trình

a. Cấu trúc của chương trình

Chương trình bao gồm 122 tín chỉ (2415 giờ), chưa kể phần nội dung về Giáo dục quốc phòng và An ninh.

Thành phần	Số TC	Ghi chú
1. Các môn đại cương (Không tính các học phần GDQP - AN)	30	
2. Kiến thức cơ sở ngành		
Bắt buộc	10	
Tự chọn	21	
3. Các môn kiến thức ngành		
Bắt buộc	32	
Tự chọn	15	
4. Thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp		
4.1. Thực tập nghiệp vụ	8	
4.2. Khóa luận tốt nghiệp/ học phần thay thế	6	
Tổng số	122	

b. Nội dung chương trình đào tạo

T T	Tên học phần	Ngôn ngữ giảng dạy	Mã môn học	Số tín chỉ	Số học phần/ số giờ
A	Kiến thức giáo dục đại cương			30	13/450
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Tiếng việt	1ĐC301/ 1ĐC302	5	2/75
2	Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam	Tiếng việt	1ĐC303	3	1/45
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tiếng việt	1ĐC304	2	1/30
4	Ngoại ngữ	Tiếng việt	1ĐC201/ 1ĐC202	6	2/90
5	Tin học đại cương	Tiếng việt	1ĐC103	2	1/30
6	Tâm lý học đại cương	Tiếng việt	1TL101	2	1/30
7	Giáo dục học đại cương	Tiếng việt	1TL201	2	1/30
8	Thống kê toán học	Tiếng việt	1ĐC101	2	1/30
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Tiếng việt	1ĐC106	2	1/30
10	Quản lý hành chính nhà nước	Tiếng việt	1QL201	2	1/30
11	Pháp luật đại cương	Tiếng việt	1QL101	2	1/30
12	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1	Tiếng việt	1QP001	3	1/45
13	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Tiếng việt	1QP002	2	1/30
14	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3	Tiếng việt	1QP003	1	1/30
15	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4	Tiếng việt	1QP004	2	1/60
B	Kiến thức cơ sở ngành			31	15/750
	Bắt buộc			10	5/150
1	Giải phẫu Thể dục thể thao	Tiếng việt	1YS701	2	1/30
2	Sinh lý Thể dục thể thao	Tiếng việt	1YS301/ 1YS302	4	2/60
3	Vệ sinh Thể dục thể thao	Tiếng việt	1YS201	2	1/30
4	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất	Tiếng việt	1LL001GYQ	2	1/30
	Kiến thức tự chọn 1 (5/21 tín chỉ)			5	2/75
5	Tâm lý học Thể dục thể thao	Tiếng việt	1TL102HYQ	2	1/30
6	Giáo dục học Thể dục thể thao	Tiếng việt	1TL202HYQ	2	1/30
7	Y học Thể dục thể thao	Tiếng việt	1YS101	3	1/45
8	Đo lường Thể thao	Tiếng việt	1ĐC102	2	1/30
9	Quản lý Thể dục thể thao	Tiếng việt	1QL202Y	2	1/30
10	Xã hội học Thể dục thể thao	Tiếng việt	1QL304GHY	2	1/30
11	Đường lối Thể dục thể thao của đảng cộng sản Việt Nam	Tiếng việt	1ĐC303	2	1/30

12	Lịch sử Thể dục thể thao	Tiếng việt	1LL007	2	1/30
13	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Tiếng việt	1ĐC203Y	2	1/30
14	Văn hóa thể thao	Tiếng việt	1TL204	2	1/30
	Kiến thức tự chọn 2 (16/34 tín chỉ)			16	8/405
15	Lý luận và phương pháp giảng dạy Điền Kinh	Tiếng việt	1ĐK007GYQ	2	1/60
16	Lý luận và phương pháp giảng dạy Thể dục	Tiếng việt	1TD007GYQ	2	1/60
17	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bơi lội	Tiếng việt	1BL007GYQ	2	1/60
18	Lý luận và phương pháp giảng dạy Âm nhạc vũ đạo	Tiếng việt	1TD009GYQ	2	1/45
19	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng đá	Tiếng việt	1BD007GYQ	2	1/45
20	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn	Tiếng việt	1BB007GYQ	2	1/45
21	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng rổ	Tiếng việt	1BR007GYQ	2	1/45
22	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng chuyền	Tiếng việt	1BC007GYQ	2	1/45
23	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng ném	Tiếng việt	1BN007GYQ	2	1/45
24	Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt	Tiếng việt	1QV007GYQ	2	1/45
25	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cờ vua	Tiếng việt	1CV007GYQ	2	1/45
26	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cầu lông	Tiếng việt	1CL007GYQ	2	1/45
27	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bắn súng	Tiếng việt	1BS007GYQ	2	1/45
28	Lý luận và phương pháp giảng dạy Vật	Tiếng việt	1VA007GYQ	2	1/45
29	Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ	Tiếng việt	1VO007GYQ	2	1/45
30	Lý luận và phương pháp giảng dạy các môn Thể thao dân tộc	Tiếng việt	1BS008GYQ	2	1/45
31	Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf	Tiếng việt	1GO007GYQ	2	1/45
C	Các môn kiến thức ngành			47	16/795
	Chuyên ngành Y học TDTT và sức khỏe				
	Bắt buộc			32	11/570
1	Kiểm tra y học	Tiếng việt	1YS103Y	4	1/60
2	Hồi phục Thể thao	Tiếng việt	1YS601Y	2	1/45
3	Xoa bóp Thể thao	Tiếng việt	1YS603Y	6	2/120
4	Phục hồi chức năng và vật lý trị	Tiếng việt	1YS808Y	3	1/60

	liệu				
5	Bệnh học Nội khoa	Tiếng việt	1YS805Y	2	1/30
6	Bệnh học Ngoại khoa	Tiếng việt	1YS806Y	2	1/30
7	Cấp cứu ban đầu	Tiếng việt	1YS802Y	3	1/60
8	Y tế cơ sở	Tiếng việt	1YS801Y	3	1/45
9	Thế dục chữa bệnh	Tiếng việt	1YS602Y	3	1/60
10	Dinh dưỡng Thể thao	Tiếng việt	1YS402Y	4	1/60
	Tự chọn (15/26 tín chỉ)			15	5/225
11	Giải phẫu vận động	Tiếng việt	1YS702Y	3	1/60
12	Sinh hóa Thể dục thể thao	Tiếng việt	1YS401Y	3	1/45
13	Sinh cơ Thể dục thể thao	Tiếng việt	1YS501Y	3	1/45
14	Sinh lý huấn luyện	Tiếng việt	1YS303Y	3	1/30
15	Di truyền học và tuyển chọn	Tiếng việt	1YS807Y	3	1/45
16	Sinh lý bệnh	Tiếng việt	1YS304Y	2	1/30
17	Dược học cơ sở	Tiếng việt	1YS804Y	3	1/45
18	Y học cổ truyền	Tiếng việt	1YS803Y	3	1/45
19	Vệ sinh phòng bệnh	Tiếng việt	1YS202Y	3	1/45
D	Thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp			14	630
1	Thực tập nghiệp vụ lần 1	Tiếng việt	1TT001	3	135
2	Thực tập nghiệp vụ lần 2	Tiếng việt	1TT002	5	225
3	Khóa luận tốt nghiệp	Tiếng việt	1LV001	6	270
	Học phần thay thế				
1	Học phần chuyên môn thay thế 1	Tiếng việt	1LL008GYQ	3	1/135
2	Học phần chuyên môn thay thế 2	Tiếng việt	1YS102GHY	3	1/135

2.2. Kế hoạch học tập toàn khóa

T T	Tên học phần	Ngôn ngữ giảng dạy	Mã môn học	Số tín chỉ	Số học phần/ số giờ
Kỳ học thứ 1					
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 1	Tiếng Việt	1ĐC301	2	1/30
2	Ngoại ngữ	Tiếng Việt	1ĐC201	3	1/45
3	Vệ sinh TDDT	Tiếng Việt	1YS201	2	1/30
4	Lý luận và phương pháp giảng dạy Thể dục	Tiếng việt	1TD007GYQ	2	1/60
5	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1	Tiếng việt	1QP001		
6	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Tiếng việt	1QP002		
7	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3	Tiếng việt	1QP003		
8	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4	Tiếng việt	1QP004		
Tổng số TC kỳ 1				9	4/165
Kỳ học thứ 2					
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin	Tiếng Việt	1ĐC302	3	1/45
2	Ngoại ngữ	Tiếng Việt	1ĐC202	3	1/45

T T	Tên học phần	Ngôn ngữ giảng dạy	Mã môn học	Số tín chỉ	Số học phần/ số giờ
3	Pháp luật đại cương	Tiếng Việt	1QL201	2	1/30
4	Lý luận và phương pháp giảng dạy Điền kinh	Tiếng Việt	1ĐK007GYQ	2	1/60
5	Xoa bóp thể thao	Tiếng Việt	1YS603Y	3	1/60
6	Giải phẫu vận động	Tiếng Việt	1YS702Y	3	1/60
Tổng số TC kỳ 2				16	6/300
Kỳ học thứ 3					
1	Đường lối cách mạng của đảng công sản Việt Nam	Tiếng Việt	1ĐC303	3	1/45
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tiếng Việt	1ĐC304	2	1/30
3	Tâm lý học đại cương	Tiếng Việt	1TL101	2	1/30
4	Thống kê toán học	Tiếng Việt	1ĐC101	2	1/30
5	Sinh cơ TĐTT	Tiếng Việt	1YS501Y	3	1/45
6	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	Tiếng Việt	1LL001GYQ	2	1/30
7	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bơi lội	Tiếng Việt	1BL007GYQ	2	1/60
8	Xoa bóp thể thao	Tiếng Việt	1YS603Y	3	1/60
9	Giải phẫu TĐTT	Tiếng Việt	1YS701	2	1/30
Tổng số TC kỳ 3				21	9/360
Kỳ học thứ 4					
1	Giáo dục học đại cương	Tiếng Việt	1TL201	2	1/30
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Tiếng Việt	1ĐC106	2	1/30
3	Quản lý hành chính nhà nước	Tiếng Việt	1QL201	2	1/30
4	Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt	Tiếng Việt	1QV007GYQ	2	1/45
5	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng rổ	Tiếng Việt	1BR007GYQ	2	1/45
6	Cấp cứu ban đầu	Tiếng Việt	1YS802Y	3	1/60
7	Y tế cơ sở	Tiếng Việt	1YS801Y	3	1/45
8	Sinh hóa TĐTT	Tiếng Việt	1YS401Y	3	1/45
Tổng số TC kỳ 4				19	8/330
Kỳ học thứ 5					
1	Sinh lý huấn luyện	Tiếng Việt	1YS303Y	3	1/30
2	Sinh lý Thể dục thể thao 1	Tiếng Việt	1YS301	2	1/30
3	Đo lường Thể thao	Tiếng Việt	1ĐC102	2	1/30
4	Bệnh học nội khoa	Tiếng Việt	1YS805Y	2	1/30
5	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng đá	Tiếng Việt	1BĐ007GYQ	2	1/45
6	Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf	Tiếng Việt	1GO007GYQ	2	1/45
7	Thực tập nghiệp vụ lần 1	Tiếng Việt	1TT001	3	1/135
Tổng số TC kỳ 5				16	7/345

T T	Tên học phần	Ngôn ngữ giảng dạy	Mã môn học	Số tín chỉ	Số học phần/ số giờ
Kỳ học thứ 6					
1	Tin học đại cương	Tiếng Việt	1ĐC103	2	1/30
2	Dinh dưỡng thể thao	Tiếng Việt	1YS402Y	4	1/60
3	Sinh lý Thể dục thể thao 2	Tiếng Việt	1YS302	2	1/30
4	Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ	Tiếng Việt	1VO007GYQ	2	1/45
5	Bệnh học ngoại khoa	Tiếng Việt	1YS806Y	2	1/30
Tổng số TC kỳ 6				12	5/195
Kỳ học thứ 7					
1	Kiểm tra Y học	Tiếng Việt	1YS103Y	4	1/60
2	Y học thể dục thể thao	Tiếng Việt	1YS101	3	1/45
3	Hồi phục thể thao	Tiếng Việt	1YS601Y	2	1/45
4	Phục hồi chức năng và vật lý trị liệu	Tiếng Việt	1YS808Y	3	1/60
5	Thực tập nghiệp vụ lần 2	Tiếng Việt	1TT002	5	1/225
Tổng số TC kỳ 7				17	5/435
Kỳ học thứ 8					
1	Thể dục chữa bệnh	Tiếng Việt	1YS602Y	3	1/60
2	Di truyền và tuyển chọn	Tiếng Việt	1YS807Y	3	1/45
3	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế	Tiếng Việt	1LV001/ 1LL008GYQ/ 1YS102GHY	6	1/270
Tổng số TC kỳ 8				12	3/375

2.3. Tóm tắt các học phần

1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin (5 tín chỉ)

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin thuộc khối kiến thức cơ bản về lý luận chính trị. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận của triết học Mác - Lênin. Từ đó, xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để sinh viên tiếp cận các khoa học chuyên ngành đào tạo. Trang bị cho sinh viên những kiến thức LLCT cơ bản góp phần thực hiện mục tiêu chung của Đảng và nhà nước cũng như con đường đi lên CNXH ở Việt nam hiện nay. Giúp người học nhận thức đúng đắn về con đường đi lên CNXH mà đảng ta và Chủ tịch HCM đã lựa chọn, từ đó tin tưởng hơn vào sự lãnh đạo của Đảng, sống và làm việc tuân thủ pháp luật.

2. Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những nội dung chính về Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương: Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương IV: Đường lối công nghiệp hoá; chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; chương VII: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; chương VIII: Đường lối đối ngoại.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu học phần.

4. Ngoại ngữ (6 tín chỉ)

Học phần ngoại ngữ cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thám hiểm để phát triển được kĩ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho người học các kĩ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn gọn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành, sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kĩ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

5. Tin học đại cương (tín chỉ)

Học phần Tin học đại cương thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về: Cấu trúc chung của máy tính, xử lí lỗi cơ bản của máy tính, hệ điều hành; Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word; Định dạng và xử lí dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel; Thao tác với slide, định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide, tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint; Mạng máy tính và an toàn thông tin, một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

6. Tâm lý học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các vấn đề chung của tâm lý học, về những cơ sở tự nhiên và xã hội của hoạt động tâm lý, giúp sinh viên nắm được bản chất của sự hình thành tâm lý, ý thức của con người. Học phần còn giới thiệu quy luật của các hoạt động nhận thức và vai trò của nhận thức đối với sự phát triển tâm lý - ý thức của nhân cách. Qua đó giúp sinh viên nắm được đặc điểm, bản chất về cấu trúc nhân cách, các phẩm chất nhân cách và sự hình thành và phát triển nhân cách làm cơ sở cho các phương pháp giảng dạy và giáo dục trong quá trình sư phạm.

7. Giáo dục học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên nắm được: Giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt,

là một khoa học có đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, lịch sử phát triển, hệ thống khái niệm riêng. Vai trò của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách, mục đích, nhiệm vụ của giáo dục nước ta hiện nay, các con đường để thực hiện giáo dục. Học phần còn giáo dục sinh viên có tình cảm, ý thức trách nhiệm với việc học tập cũng như công tác sau này.

8. Thống kê toán học (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về xác suất: Hoán vị, tổ hợp; Định nghĩa xác suất cổ điển; Dãy phép thử; Đại lượng ngẫu nhiên; Hàm phân bố; Các số đặc trưng; Thống kê; Lý thuyết mẫu; Ước lượng; Bài toán kiểm định giả thiết đơn giản; Hồi quy và tương quan.

9. Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những thông tin, những kiến thức cơ bản, trong nghiên cứu khoa học, những kỹ thuật cần thiết để tiếp cận phương pháp thực nghiệm và cách trình bày các kết quả nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở đó giúp người học hiểu ý nghĩa của công tác nghiên cứu khoa học, có kỹ năng phát hiện và lựa chọn và tổ chức, triển khai các nội dung nghiên cứu. Hình thành ý thức học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực, độc lập, luôn có ý thức học hỏi, phê phán đánh giá, rút kinh nghiệm cho bản thân. Hình thành tính trung thực trong học tập và trong công tác nghiên cứu khoa học sau này.

10. Quản lý hành chính nhà nước (2 tín chỉ)

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về những vấn đề chung của Nhà nước trên tất cả các mặt quan trọng như: quản lý hành chính Nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý quốc phòng - an ninh, tôn giáo, dân tộc và niềm tin, dân số, lao động, tài nguyên và môi trường, với các lĩnh vực quan trọng khác của đời sống xã hội như: giáo dục - đào tạo, văn hóa, y tế và TDTT.

11. Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Học phần Pháp luật đại cương là môn khoa học pháp lý cơ sở, cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật và đề cập tới một số ngành luật cơ bản của Việt Nam hiện nay nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về nhà nước, pháp luật nói chung và nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng. Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 6 chương. Chương 1,2 là các vấn đề cơ bản về nhà nước, pháp luật. Chương 3,4,5 là những nội dung cơ bản về pháp luật chuyên ngành như Luật Hành chính Việt Nam; Luật Dân sự Việt Nam; Luật Hình sự Việt Nam.

12. Giải phẫu Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về cấu tạo các cơ quan, các cơ chế, các quá trình sinh lý diễn ra ở các mức độ từ tế bào đến cơ thể của người. Mặt khác học phần còn cung cấp vai trò và hệ thống thần kinh và sự phát triển của các hệ cơ, xương, khớp trong cơ thể cũng như ảnh hưởng của các bài tập thể dục thể thao đến chức năng sinh lý trong cơ thể, để đảm bảo sự thống nhất trong nội bộ cơ thể như giữa cơ thể với môi trường và tác động của hoạt động thể dục thể thao lên cơ thể.

13. Sinh lý Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chức năng và cơ chế hoạt động của các cơ quan trong cơ thể người ở điều kiện bình thường và những biến đổi ở các cơ quan dưới tác động của các hoạt động TDTT, từ đó làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và ứng dụng các kiến thức về sinh lý học

TDDT vào thực tiễn hoạt động giảng dạy, tập luyện thể thao sau này để nâng cao trình độ thể lực và thành tích thi đấu.

14. Vệ sinh Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp vệ sinh cá nhân, vệ sinh dinh dưỡng, vệ sinh môi trường và vệ sinh trong luyện tập TDDT, tính chất và sự chuyển hóa các phân tử trong cơ thể sống; nguyên tắc vệ sinh tập luyện và thi đấu một số môn thể thao. Từ đó góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất và tập luyện TDDT.

15. Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất (4 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học TDDT như khái niệm, vai trò của TDDT, các phương pháp và hình thức tổ chức tập luyện, nguyên tắc trong giảng dạy, cấu trúc quá trình giảng dạy,... Hình thành kỹ năng xây dựng và phân tích tập luyện trong TDDT.

16. Tâm lý học Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản có chọn lọc về đặc điểm, bản chất và các quy luật của các hoạt động tâm lý trong lĩnh vực TDDT làm cơ sở cho các phương pháp giảng dạy, huấn luyện và thi đấu TDDT. Qua đó góp phần hình thành kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề tâm lý nảy sinh trong giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao. Đồng thời góp phần hình thành những phẩm chất nhân cách cần thiết của người cán bộ, giáo viên, huấn luyện viên thể thao.

17. Giáo dục học Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên: Kiến thức cơ bản về đặc điểm, bản chất, quy luật của quá trình sư phạm trong TDDT nói chung và quá trình giáo dục trong hoạt động TDDT nói riêng. Mục đích, nội dung, nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức của quá trình giáo dục các phẩm chất đạo đức - nhân cách cho người tập. Biết vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn công tác sau khi ra trường. Học phần cũng giáo dục ý thức trách nhiệm, tình yêu nghề nghiệp, bồi dưỡng kinh nghiệm và năng lực sư phạm cho sinh viên.

18. Y học Thể dục thể thao (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên: Kiến thức cơ bản cần thiết, thực dụng nhất có liên quan tới vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và vệ sinh tập luyện. Kiến thức và phương pháp để bước đầu đề phòng và xử lý các trường hợp xấu do tập luyện thiếu khoa học gây ra. Biết vận dụng phương pháp luyện tập để giữ gìn sức khỏe, tăng tuổi thọ. Biết vận dụng các kiến thức y học vào công tác NCKH TDDT. Biết cách phân bố thời gian tập luyện thích hợp, ngăn ngừa các chấn thương và bệnh tật xảy ra, biết tổ chức và chăm sóc cuộc sống của cá nhân và tập thể một cách hợp lý, khoa học.

19. Đo lường Thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên: Những kiến thức và phương pháp cơ bản về đo lường để áp dụng vào học tập và NCKH trên lĩnh vực TDDT như test, độ tin cậy, tính thông báo, tính đánh giá, tiêu chuẩn... Hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học vào học tập, NCKH và công tác. Góp phần rèn luyện cho sinh viên tính khoa học, hệ thống, tư duy logic.

20. Quản lý Thể dục thể thao quần chúng (2 tín chỉ)

Giúp người học khái quát được những vấn đề cơ bản về quản lý và quản lý TDDT quần chúng; đồng thời có khả năng phân tích, đánh giá, tổ chức công tác TDDT quần chúng. Tăng cường rèn luyện kỹ năng phân tích, nghiên cứu các vấn đề lý luận trong thực tiễn hoạt động quản lý TDDT quần chúng.

Sinh viên có tinh thần tự học, tự cập nhật kiến thức về quản lý TDTT quần chúng. Có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong tốt; tinh thần làm việc nghiêm túc, trung thực, yêu nghề.

21. Xã hội học Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học TDTT, nhận biết, nắm và hiểu rõ những tác động qua lại của các môn khoa học xã hội tới lĩnh vực thể dục thể thao. Thông qua kiến thức được học tập sinh viên biết vận dụng vào các nghiên cứu, ứng dụng đánh giá, dự báo sự phát triển lĩnh vực thể dục thể thao trong xã hội. Sinh viên có tinh thần tự học, tự cập nhật kiến thức xã hội học nói chung và xã hội học thể dục thể thao nói riêng. Có tinh thần làm việc nghiêm túc, trung thực, yêu nghề, có mong muốn đóng góp cho sự phát triển của thể dục thể thao nước nhà.

22. Đường lối Thể dục thể thao của đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Hiểu rõ quan điểm của Hồ Chí Minh và chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước về TDTT ở từng giai đoạn. Vận dụng kiến thức đã học để giải thích quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về TDTT trong từng giai đoạn phát triển của đất nước; Phân tích và tổng hợp được các vấn đề lý luận về Đường lối TDTT của ĐCSVN theo Tư tưởng Hồ Chí Minh cấp cứu thường gặp trong hoạt động TDTT. Hình thành và phát triển kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm

23. Lịch sử Thể dục thể thao

Cung cấp kiến thức hình thành lên TDTT ở trong nước và quốc tế, quá trình hình thành các tổ chức, hiệp hội TDTT.

24. Lý luận và phương pháp giảng dạy Điền kinh (2 tín chỉ)

Phương pháp giảng dạy Điền kinh 1 thuộc thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập điền kinh (chạy cự li trung bình, chạy ngắn, nhảy xa) có vị trí chủ yếu trong số bài tập nhằm phát triển thể lực. Môn Điền kinh trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của môn điền kinh như: chạy cự li trung bình, chạy ngắn, nhảy xa và nhiều môn phối hợp; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn điền kinh.

25. Lý luận và phương pháp giảng dạy Thể dục (2 tín chỉ)

Phương pháp giảng dạy Thể dục là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên GDTC của chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung gồm lý thuyết môn Thể dục, Bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung tay không, bài tập phát triển chung với dụng cụ. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản môn Thể dục, phương pháp tập luyện, phương pháp tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả học phần. Mở rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực tự học, vận dụng trong tập luyện, rèn luyện sức khỏe hàng ngày. Học phần còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn thể thao khác.

26. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bơi lội (2 tín chỉ)

Bơi lội là môn thể thao cơ bản trong chương trình GDTC nhằm trang bị cho Sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về các kỹ thuật của môn bơi lội như: phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu, phương pháp trọng tài cách phòng chống đuối nước, Giới thiệu nguồn gốc, lịch sử, xu hướng phát triển của môn Bơi lội và tác dụng của nó đến người học, thông qua học phần rèn luyện sức khỏe, phát triển tố chất thể lực, tầm vóc và phẩm chất, tâm lý tốt nhất cho người học. hình thành cho người học những phẩm chất: kiên trì, tự tin, vượt khó, tính kỷ luật, yêu thích vận động, có lòng yêu thương và hợp tác với nhau.

27. Lý luận và phương pháp giảng dạy Âm nhạc vũ đạo (2 tín chỉ)

Học phần bao gồm kiến thức lý luận, thực hành về Âm nhạc và Vũ đạo, bao gồm một số vấn đề về nhịp - nhịp độ, tiết tấu của các điệu thức, ngôn ngữ động tác, các đặc trưng của chất liệu múa, luật vận động của động tác... Thực hành có các bài tập về khởi động; các động tác cơ bản của đầu -tay - chân...; nhịp và chất liệu múa của các vùng đồng bằng, Tây nguyên, Cổ điển, Khơ me - Chăm...; động tác liên kết và động tác độc lập ở nhịp độ...

28. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng đá (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý thuyết: lịch sử, tính chất, đặc điểm, vai trò của môn bóng đá và những nguyên lý thực hiện kỹ thuật; về phương pháp giảng dạy. Hiểu được những kiến thức cơ bản về Luật bóng đá và phương pháp trọng tài. Về thực hành: các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá; Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá.

29. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò, đặc điểm hoạt động thể lực của môn Bóng bàn. Hình thành các kỹ thuật động tác cơ bản trong Bóng bàn.

30. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng rổ (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về: Lịch sử phát triển môn bóng rổ; một số điều luật và các kỹ thuật, chiến thuật thi đấu; phương pháp trọng tài. Thực hành các kỹ thuật: các bước di chuyển trong bóng rổ; dẫn bóng; kỹ thuật chuyền và bắt bóng bằng hai tay trước ngực; kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao; kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ một tay trên cao; kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ một tay dưới thấp; kỹ thuật tại chỗ cầm bóng qua người; chiến thuật tấn công nhanh; chiến thuật phòng thủ khu vực; phương pháp lên lớp; phương pháp thi đấu và thực hành trọng tài.

31. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng chuyền (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò, đặc điểm hoạt động thể lực của môn Bóng chuyền. Hình thành các kỹ thuật động tác cơ bản trong Bóng chuyền.

32. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng ném (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò, đặc điểm hoạt động thể lực của môn Bóng ném. Hình thành các kỹ thuật động tác cơ bản trong Bóng ném

33. Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt (2 tín chỉ)

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản của môn Quần vợt, nắm chắc những điều luật cơ bản trong thi đấu. Trang bị các phương pháp chuyên môn trong giảng dạy, huấn luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài theo dõi đánh giá sự phát triển của người tập, có khả năng vận động quần chúng và chỉ đạo, tổ chức xây dựng phong trào cơ sở.

34. Lý luận và phương pháp giảng dạy Cờ vua (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò, đặc điểm hoạt động trí lực của môn Cờ vua. Hình thành các kỹ năng cơ bản trong cờ vua.

35. Lý luận và phương pháp giảng dạy Cầu lông (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò, đặc điểm hoạt động thể lực của môn Cầu lông. Hình thành các kỹ thuật động tác cơ bản trong Cầu lông.

36. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bắn súng (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò, đặc điểm hoạt động thể lực của môn Bắn súng. Hình thành các kỹ thuật động tác cơ bản trong Bắn súng.

37. Lý luận và phương pháp giảng dạy Vật (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò, đặc điểm hoạt động thể lực của môn Vật. Hình thành các kỹ thuật động tác cơ bản trong Vật.

38. Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ (2 tín chỉ)

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên có đủ khả năng thực hành các phương pháp chuyên môn trong giảng dạy, huấn luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài theo dõi đánh giá sự phát triển của người tập, có khả năng vận động quần chúng và chỉ đạo, tổ chức xây dựng phong trào cơ sở.

39. Lý luận và phương pháp giảng dạy các môn thể thao dân tộc (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò, đặc điểm hoạt động thể lực của môn Trò chơi vận động. Hình thành các khả năng tổ chức, biên soạn Trò chơi vận động.

40. Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf (2 tín chỉ)

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản của môn Golf, nắm chắc những điều luật cơ bản trong thi đấu. Trang bị các phương pháp chuyên môn trong tổ chức tập luyện, theo dõi đánh giá sự phát triển của người tập, có khả năng hỗ trợ, giúp đỡ người tập tại các sân tập, câu lạc bộ.

41. Kiểm tra y học (3 tín chỉ)

Học phần trang bị kiến thức về kiểm tra chức năng cơ thể VĐV, cung cấp kiến thức về phương pháp kiểm tra và đánh giá các chức năng cơ thể của VĐV, đánh giá trình độ tập luyện của VĐV, đánh giá tổng hợp mức độ biến đổi chức năng cơ thể VĐV và những điều cần chú ý khi lựa chọn tiêu chí, miễn dịch trong thể thao, chấn thương và các bệnh thường gặp trong tập luyện TDTT.

42. Hồi phục Thể thao (2 tín chỉ)

Học phần giúp người học có khả năng vận dụng các phương pháp hồi phục để hồi phục trạng thái sức khỏe cho vận động viên và người tập sau tập luyện và thi đấu, vận dụng các phương pháp hồi phục vào công tác chăm sóc sức khỏe VĐV phục vụ huấn luyện, đánh giá trình độ tập luyện, Biết vận dụng những kiến thức hồi phục để giải thích một số hiện tượng trong tập luyện TDTT.

43. Xoa bóp Thể thao (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về xoa bóp, để sinh viên vận dụng được vào việc xoa bóp thay cho khởi động, xoa bóp điều chỉnh trạng thái trước thi đấu, xoa bóp thúc đẩy quá trình hồi phục, đề phòng và điều trị chấn thương thể thao, tăng cường sức khỏe và thành tích TDTT.

44. Xoa bóp bấm huyệt (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về xoa bóp và bấm huyệt, để sinh viên vận dụng được vào việc xoa bóp, bấm huyệt, giúp điều chỉnh trạng thái trước thi đấu, xoa bóp bấm huyệt thúc đẩy quá trình hồi phục, đề phòng và điều trị chấn thương thể thao, điều chỉnh một số hội chứng do tập luyện gây lên.

45. Phục hồi chức năng và vật lý trị liệu (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các phương pháp hồi phục chức năng sau khi bệnh tật, chấn thương và phương pháp áp dụng vật lý trị liệu trong điều trị và hoạt động TDDT, các phương pháp điều trị bằng vật lý trị liệu, các phương pháp hồi phục chức năng và các biện pháp thúc đẩy quá trình hồi phục, vận dụng các kiến thức để hồi phục chức năng và điều trị chấn thương trong tập luyện TDDT.

46. Bệnh học Nội khoa (2 tín chỉ)

Học phần trang bị các kiến thức về phương pháp thăm khám các cơ quan vận động, tuần hoàn, hô hấp, tiêu hoá, khám và chẩn đoán các triệu chứng sốt, hội chứng đông đặc, hội chứng tràn dịch, tràn khí màng phổi. Bệnh học nội khoa, khám, chẩn đoán và phương pháp điều trị các bệnh về tim (suy tim, viêm nội và ngoại tâm mạc). Khám, chẩn đoán và điều trị các bệnh về phổi, chẩn đoán và điều trị các bệnh về thận và các phương pháp sử lý ngộ độc thuốc, khám và chẩn đoán các triệu chứng về hệ tiêu hoá và nội tiết.

47. Bệnh học Ngoại khoa (2 tín chỉ)

Học phần trang bị kiến thức về ngoại cơ sở và chấn thương, kỹ năng thăm khám bệnh ngoại khoa, phân khu các tạng trong ổ bụng, thăm khám lâm sàng các khối u và các cơ quan vận động, triệu chứng lâm sàng của gãy xương tứ chi, phương pháp sơ cứu và điều trị khi xương bị gãy, các triệu chứng lâm sàng của chấn thương sọ não và cột sống. Cách sơ cứu ban đầu và phương pháp chẩn đoán điều trị, hội chứng chảy máu trong ổ bụng khi bị vỡ tạng như gan, lách, dạ dày, ruột... các phương pháp chẩn đoán điều trị, bệnh lý về cơ quan tiêu hoá: tắc ruột, lồng ruột, viêm ruột thừa cấp... các phương pháp chẩn đoán và điều trị, bệnh lý về cơ quan tiết niệu: Sỏi mật, bàng quan, niệu đạo... Các phương pháp chẩn đoán và điều trị.

48. Cấp cứu ban đầu (3 tín chỉ)

Trang bị kiến thức và kỹ năng về các phương pháp chẩn đoán nhanh chấn thương và các trạng thái bệnh lý cấp tính, các nguyên tắc và kỹ năng thực hành xử lý tình huống trong cấp cứu ban đầu và chuyển lên tuyến trên kịp thời để điều trị các trường hợp cấp cứu.

49. Y tế cơ sở (3 tín chỉ)

Nội dung học phần trang bị cho người học khả năng vận dụng các phương pháp y học để cấp cứu, chăm sóc sức khỏe, đề phòng và xử lý bước đầu các bệnh thường gặp, vận dụng được quy trình thăm khám lâm sàng và hồ sơ bệnh án, biết các phương pháp tiêm và chăm sóc sức khỏe VĐV phục vụ trong huấn luyện, thi đấu, các phương pháp chăm sóc y tế và điều trị cấp cơ sở, thành thực kỹ năng xử lý, cấp cứu và chăm sóc sức khỏe VĐV phục vụ trong huấn luyện, thi đấu.

50. Thể dục chữa bệnh (3 tín chỉ)

Thể dục chữa bệnh, trang bị cho sinh viên các kiến thức về lý luận và phương pháp dùng các hình thức vận động để phòng và chữa bệnh nguyên lý chung của thể dục chữa bệnh, thể dục chữa bệnh tim mạch và hô hấp, tiêu hoá và rối loạn tiêu hoá các chất, Thể dục chữa bệnh cong vẹo cột sống, thể dục điều trị chấn thương cơ quan vận động thể dục điều trị tổn thương và bệnh tổn thương thần kinh.

51. Dinh dưỡng Thể thao (4 tín chỉ)

Học phần, trang bị về dinh dưỡng, cấu tạo, vai trò các chất sinh ra năng lượng (đường, đạm, mỡ) đối với cơ thể, quá trình tiêu hao, chuyển hoá của các chất trong quá trình sống và hoạt động, nhu cầu dinh dưỡng và vai trò của Vitamin, muối khoáng, nước đối với cơ thể, những bệnh lý xảy ra khi cơ thể bị thiếu hoặc thừa Vitamin, muối

khoáng, đặc điểm dinh dưỡng vận động viên, đặc điểm dinh dưỡng của các loại vận động, đặc điểm dinh dưỡng ở một số môn TT.

52. Giải phẫu vận động (3 tín chỉ)

Nội dung chính của học phần là nghiên cứu hình thái và cấu tạo của cơ thể người phát triển bình thường, khoẻ mạnh và quy luật phát triển về hình thái và cấu tạo của cơ thể trong hoạt động TDTT. Giới thiệu khái quát về giải phẫu thể thao và đặc điểm hình thái, cấu tạo cũng như chức năng của xương, khớp, cơ của chi trên, chi dưới, thân mình. Giới thiệu về hệ các cơ quan cảm thụ, hệ nội tiết và hệ thần kinh. Trong đó hệ giác quan ngoài mắt và tai còn giới thiệu về da và hệ cảm giác bản thể. Phần hệ thần kinh đi sâu nghiên cứu hệ thần kinh ngoại biên và hệ thần kinh thực vật.

53. Sinh hóa Thể dục thể thao (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thành phần hoá học, quá trình chuyển hoá các chất và năng lượng trong cơ thể sống, cũng như mối tương quan giữa quá trình chuyển hoá và chức năng trong cơ thể. Trên cơ sở nắm vững kiến thức của những môn khoa học đại cương (toán học, vật lý học, sinh học, hoá học...), môn sinh hoá TDTT cung cấp cơ sở lý luận cơ bản để giúp sinh viên tiếp thu kiến thức của các môn y – sinh liên quan như: vệ sinh, sinh lý học TDTT, y học TDTT....đồng thời, góp phần giải quyết những vấn đề thực tiễn của TDTT như tuyển chọn VĐV, các định và đánh giá lượng vận động, kiểm tra trình độ tập luyện.

54. Sinh cơ Thể dục thể thao (3 tín chỉ)

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức có giá trị nền tảng lâu dài về cơ chế của kỹ thuật, chiến thuật thể thao. Những vấn đề chính môn học đề cập đến là: Mô tả chuyển động thể thao, giải thích các lực tác dụng, khảo sát các thông số sinh cơ về điều kiện cũng như về vấn đề phối hợp chuyển động, phân tích hoàn thiện kỹ năng ở các môn thể thao khác nhau, các phương tiện sinh cơ hỗ trợ cho việc học, thực hành và tập luyện, những yêu cầu đối với bộ máy vận động, các thủ tục đo lường, các nguyên lý và định luật sinh cơ thể thao.

55. Sinh lý huấn luyện (3 tín chỉ)

Học phần trang bị kiến thức về đặc điểm một số hệ thống chức năng của cơ thể trong hoạt động TDTT, cơ sở vật lý của tuần hoàn máu, tuần hoàn động mạch, tuần hoàn phổi, tuần hoàn mạch vành, tuần hoàn não, một số kỹ thuật thăm dò chức năng tim mạch. Đặc điểm sinh lý của một số môn thể thao: Thể dục, Điền kinh, Bơi lội, các môn bóng. Đặc điểm sinh lý các trạng thái chức năng của cơ thể xuất hiện trong hoạt động TDTT. Cơ sở sinh lý của trình độ tập luyện. Đặc điểm sinh lý lứa tuổi, giới tính trong tập luyện thể dục thể thao.

56. Di truyền học và tuyển chọn (3 tín chỉ)

Nội dung học phần trang bị những kiến thức cơ bản về di truyền, về tuyển chọn trong thể thao, học phần cung cấp các chỉ tiêu y học cơ bản thường được ứng dụng trong tuyển chọn VĐV một số môn thể thao, các phương pháp nghiên cứu và bản chất của vật chất di truyền ở người, ứng dụng di truyền trong tuyển chọn thể thao. Trình bày các chỉ tiêu y học có độ di truyền cao được ứng dụng trong tuyển chọn tài năng thể thao.

57. Sinh lý bệnh (2 tín chỉ)

Học phần giúp người học hiểu được về môn sinh lý bệnh, bao gồm khái niệm, cấu trúc, vai trò, vị trí, phương pháp nghiên cứu và ứng dụng của nó trong thực tiễn chẩn đoán bệnh, bệnh lý của quá trình miễn dịch, các cơ quan và tế bào tham gia quá trình miễn dịch, kháng nguyên, kháng thể, quá trình viêm, sinh lý bệnh tạo hồng cầu,

bạch cầu, tiểu cầu và dòng máu. Sinh lý bệnh tuần hoàn, suy tuần hoàn do tim, mạch... Thăm dò chức năng hô hấp ngoài, rối loạn chức năng hô hấp ngoài, bệnh đổi oxy, suy hô hấp, rối loạn chuyển hoá Gluxit, rối loạn chuyển hoá Protit, rối loạn chuyển hoá Lipit, rối loạn chuyển hoá nước và điện giải. Sinh lý bệnh chức năng dạ dày, sinh lý bệnh chức năng ruột, sinh lý bệnh chức năng gan, sinh lý bệnh chức năng thận. Thay đổi thân nhiệt thụ động, thay đổi chủ động thân nhiệt - Sốt, vai trò tương tác giữa các tuyến nội tiết, rối loạn chức năng hệ dưới đồi Yên, Tuyến nội tiết trong một số tình trạng phá vỡ cân bằng nội môi; thay đổi trong quá trình lão hoá, tuổi già bệnh tật.

58. Dược học cơ sở (3 tín chỉ)

Trang bị kiến thức cho người học về phân loại thuốc và sử dụng thuốc trong cấp cứu, chăm sóc sức khỏe, đề phòng và xử lý bước đầu các bệnh thường gặp cho VĐV và người bệnh, phân loại thuốc, cơ chế và tác dụng của các loại thuốc, các phương pháp sử dụng thuốc, chống độc.

59. Y học cổ truyền (3 tín chỉ)

Học phần trang bị kiến thức về lý luận cơ bản về y học dân tộc, trang bị cho sinh viên lịch sử y học cổ truyền chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, hệ thống lý luận cơ bản, nguyên tắc và phương pháp chữa bệnh bằng y học dân tộc, các bệnh nội, ngoại, chuyên khoa y học dân tộc, trang bị cho sinh viên về lâm sàng, phương pháp điều trị một số bệnh nội, ngoại khoa, chuyên khoa, các vị thuốc và các bài thuốc y học dân tộc, trang bị cho sinh viên các kiến thức về các vị thuốc y học dân tộc thường dùng nhất để làm cơ sở cho việc kê đơn chữa bệnh và một số bài thuốc y học dân tộc.

60. Vệ sinh phòng bệnh (3 tín chỉ)

Học phần bao gồm những kiến thức về mối liên quan giữa môi trường, sức khỏe và biện pháp nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh tật. Nắm vững các yếu tố nguy cơ gây bệnh thường gặp có liên quan đến sức khỏe cá nhân và cộng đồng, thực hiện được các biện pháp cơ bản nhằm bảo vệ và cải tạo môi trường sống, đề phòng tai nạn và phòng chống dịch.

61. Thực tập nghiệp vụ lần 1 (3 tín chỉ)

Mục đích tạo điều kiện tiếp cận với hồ sơ và công tác thăm khám bệnh trong thực tiễn, hiểu quy trình thăm khám lâm sàng và hồ sơ bệnh án, thực hành phương pháp kiểm tra y học lâm sàng đối với các bệnh nội, ngoại khoa và chấn thương, phương pháp phối hợp xử lý chấn thương với bác sỹ.

62. Thực tập nghiệp vụ lần 2 (5 tín chỉ)

Giúp sinh viên nhận thức đúng và thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn nghề nghiệp, thực hiện nhiệm vụ theo dõi, chăm sóc sức khỏe cho người tập luyện, ghi hồ sơ bệnh án, thao tác tốt các phương tiện cận lâm sàng dùng trong chẩn đoán chức năng, trực tiếp hồi phục cho VĐV, bước đầu xử lý các chấn thương, bệnh lý, tiến hành kiểm tra y học lâm sàng một số giờ huấn luyện.

63. Khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ)

Mục đích, trang bị cho sinh viên năng lực biết phát hiện vấn đề và vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết vấn đề khoa học một cách độc lập, hình thành phẩm chất của nhà nghiên cứu, phát hiện vấn đề khoa học và xây dựng luận đề khoa học, xây dựng và bảo vệ đề cương nghiên cứu, tổ chức nghiên cứu và thu thập thông tin khoa học theo những luận chứng đã lựa chọn, xử lý thông tin khoa học, viết và hoàn thiện luận văn khoa học, tóm tắt luận văn, trình bày bài báo khoa học và gửi đăng, bảo vệ khóa luận.

2.4. Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả chương trình đào tạo, chương trình dạy học: Tháng 9 năm 2019